TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Hiền.

2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1978.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1973.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt: Chị P, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/7/2019, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị P cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2006 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn với chị P, năm 2000 anh H có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị P1 là người thôn T, xã N (nay là xã T) nhưng vợ chồng chỉ chung sống được khoảng 03 tháng thì chị P1 bỏ đi miền Nam. Chị P và anh H đã chung

sống với nhau từ năm 2003 và sinh con chung đầu lòng là cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2004 nhưng đến năm 2006 anh H mới ly hôn với chị P1 và đăng ký kết hôn cùng chị P.

Chị P và anh H chung sống hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu là do anh H lười lao động, không chịu làm bất cứ việc gì, còn hay uống bia rượu say về gây sự đánh chửi chị P. Một mình chị P phải đi làm thuê (làm đủ mọi việc từ phụ xây, đội bê tông, đội cát. . .) để kiếm tiền chăm lo cho cả gia đình nên kinh tế vợ chồng rất khó khăn, vì thế năm 2009 chị P vay mượn tiền đi lao động ở Ả Rập Xê Út. Quá trình đi lao động, chị P vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh H ở nhà trả nợ, làm nhà và nuôi các con ăn học. Tuy nhiên một phần số tiền trên anh H sử dụng không đúng mục đích, anh H hay đi uống rượu bia, không chăm lo việc ăn học của các con nên thời điểm năm 2013, chị P đi lao động về vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị P muốn tiếp tục đi lao động để có tiền trả nợ nhưng anh H không đồng ý, anh H nghe theo lời xúi giục bên ngoài nghi ngờ, cho rằng chị P có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và anh H đã nhiều lần đập phá đồ, đánh chửi chị P, chị P vẫn tiếp tục đi lao động dù không được sự đồng ý của anh H. Đến cuối năm 2015, chị P về nước tiếp tục chung sống cùng anh H thì vợ chồng lại mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Anh H làm công nhân cho công ty bột bả A ở thị trấn Đ, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam nhưng làm đến đâu chi tiêu riêng hết đến đấy, chị P hỏi đến tiền là vợ chồng lại cãi, chửi nhau, anh H lại có hành vi bạo hành gia đình đối với chị, vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị P, anh H có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2004 (hiện đang do chị P nuôi dưỡng) và cháu Phạm Trung H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2007 (hiện đang do anh H nuôi dưỡng). Nếu vợ chồng ly hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, để anh H nuôi cháu H, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Phạm Thị Thùy L đề nghị xin được tiếp tục ở với chị P; cháu Phạm Trung H đề nghị xin được tiếp tục ở với anh H.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kết hợp cùng chính quyền địa phương xã C tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, hướng dẫn làm bản tự khai, ghi lời khai của anh Phạm Văn H nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai của anh H; không tiến hành hòa giải được giữa chị P với anh H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, chị Phạm Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Phạm Văn H; về con chung: Chị đề nghị được nuôi cháu L,

để anh H nuôi cháu H, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không nhận các văn bản tố tụng, không tham gia tố tụng là chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H; về con chung: Đề nghị giao cháu L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Phạm Thị P cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn (anh Phạm Văn H), nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng, gây cản trở quyền lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Toà án, nhiều lần vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt đối với anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P cung cấp là do anh H lười lao động, không quan tâm trách nhiệm tới vợ con; anh H còn hay ghen tuông và có những hành vi bạo hành gia đình đối với chị nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Kết quả xác minh tại địa phương xã C cũng xác định chị P và anh H có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017. Từ năm 2019 cho đến nay, chị P kết thúc hợp đồng lao động ở nước ngoài về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn 9, xã C với anh H nhưng vợ chồng không gặp gỡ và không có ai quan tâm gì tới cuộc sống chung. Nay chị P có đơn ly hôn, anh H không tham

gia tố tụng và cũng không có thiện chí tham gia hòa giải đoàn tụ với chị P. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Tuy anh H không có quan điểm giải quyết việc nuôi con chung nhưng chị P yêu cầu xin được tiếp tục nuôi cháu L, để anh H nuôi cháu H theo đúng như tình trạng thực tế hiện nay. Cháu L và cháu H đều có lời khai xác nhận các cháu đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Cháu L có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên giao chị P nuôi dưỡng, còn cháu H xin được ở với bố nên giao anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 23/02/2004; giao anh Phạm Văn H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Trung H, sinh ngày 07/11/2007 cho đến khi các cháu L và H đủ 18 tuổi. Chị P và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa

án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Phục đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại biên lai số AA/2015/0003597 ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Án phí ly hôn chị P đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với chị P kể từ ngày tuyên án; với anh H kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Quốc Huy